CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Gang thép Cao Bằng

Ngày 31/12/2025	13,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	**-5.7%**

DT thuần *Q4/25*
569 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 24.0| 4.5%
YoY: ▲ 102| 21.9%

LN thuần *Q4/25*
-6.24 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 11.3| 64.3%
YoY: ▲ 93.2| 93.7%

LN sau thuế *Q4/25*
-5.11 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 12.1| 70.3%
YoY: ▲ 93.9| 94.8%

Tỷ suất lãi EBIT *2025*
-8.1%
YoY: +/-▼ 2.7%

ROE *2025*
-118%
YoY: +/-▼ 72.7%

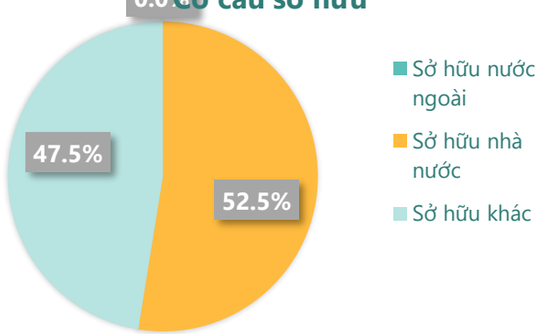
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,900 - 18,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	568
Số lượng CPLH (CP)	43,006,366
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,935
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.03
EPS	-4,771
P/E	-2.8

DT thuần *2025*
2,062 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼126| -5.8%

LN thuần *2025*
-207 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼53.0| -34.1%

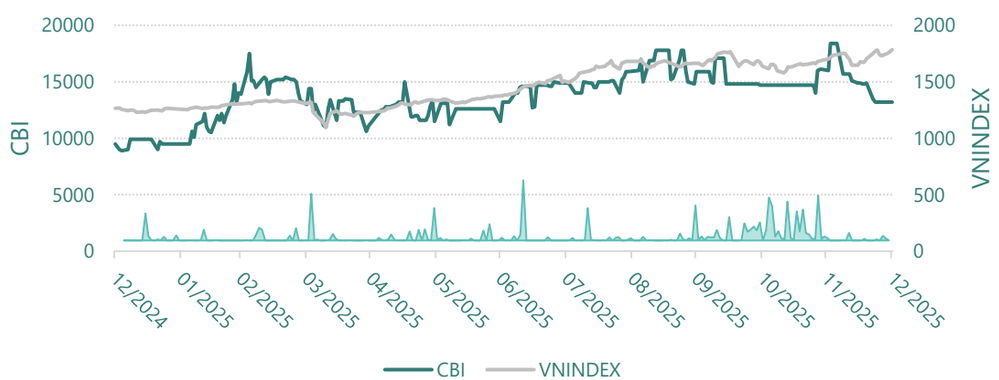
LN sau thuế *2025*
-205 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼45.0| -27.9%

Cơ cấu sở hữu

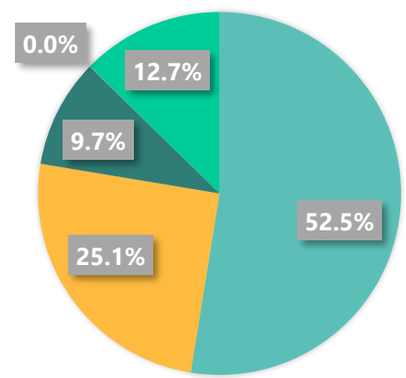


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

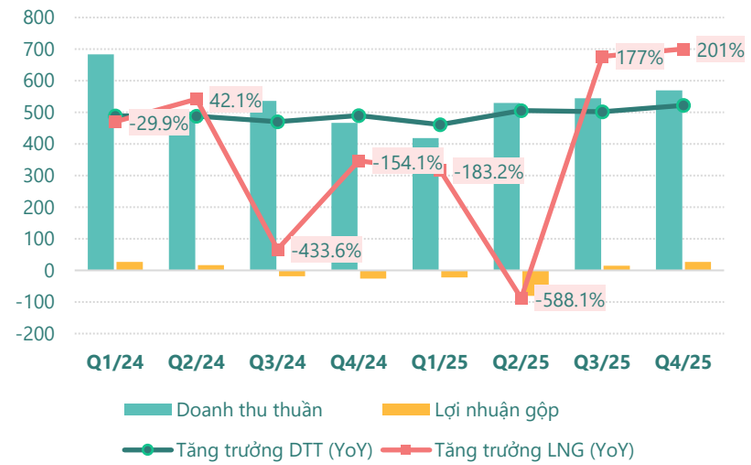


- Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP
- CTCP Tập đoàn PC1
- CTCP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
- Nông Minh Huyễn
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

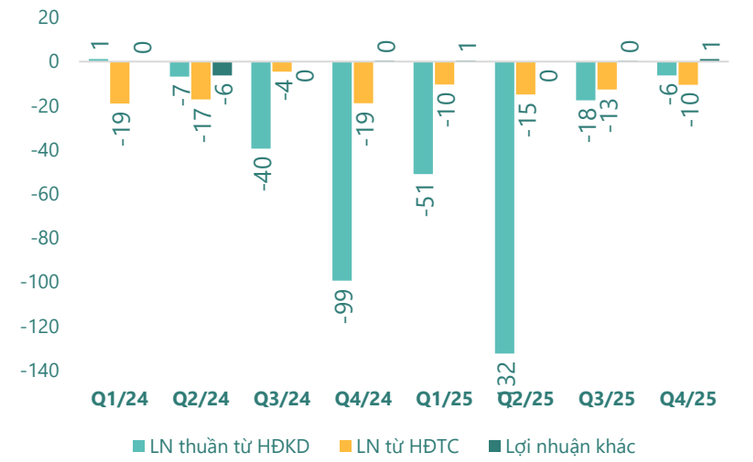
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



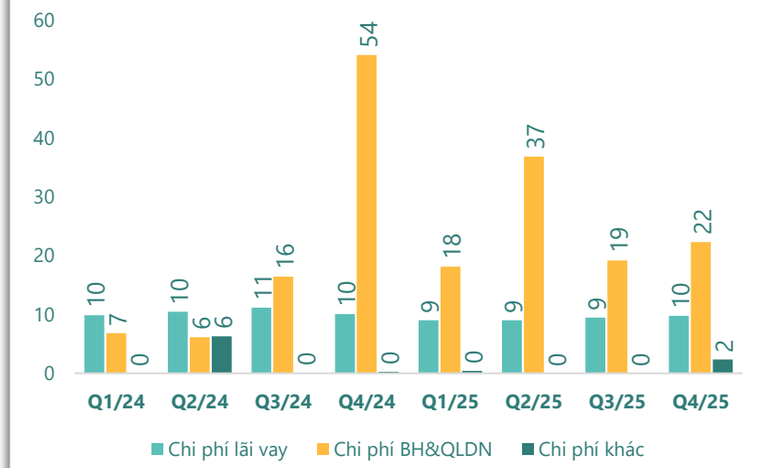
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



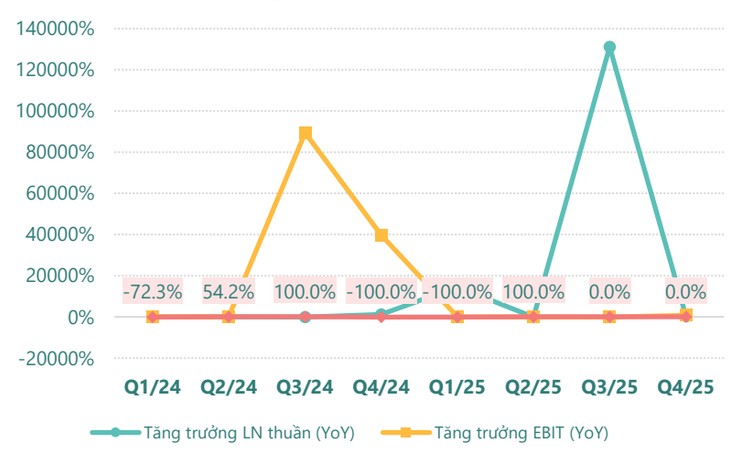
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



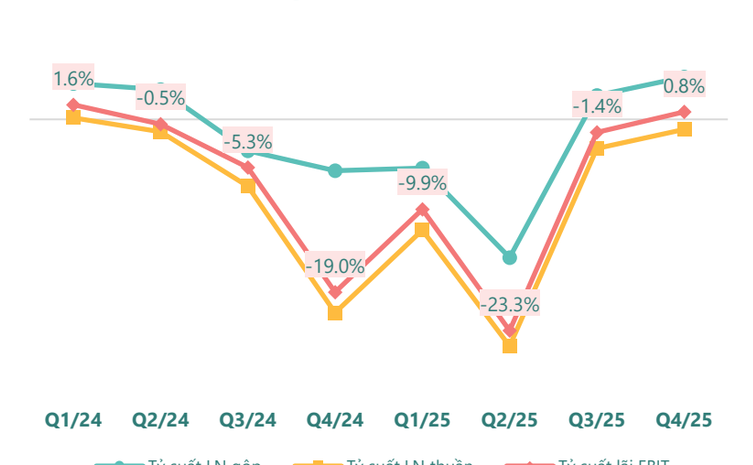
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



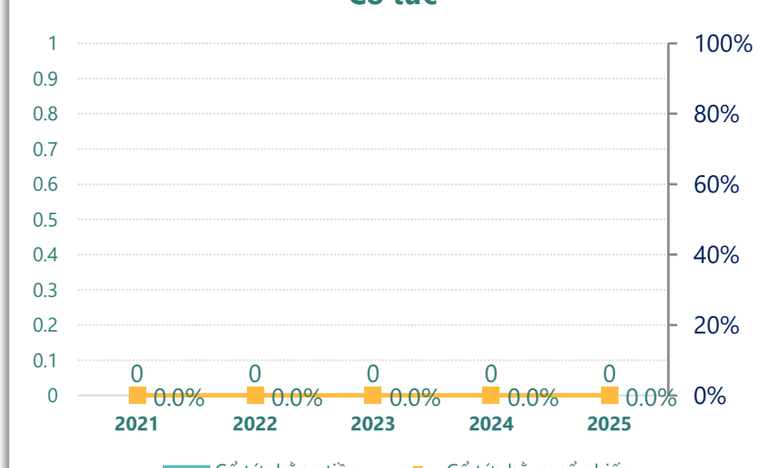
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

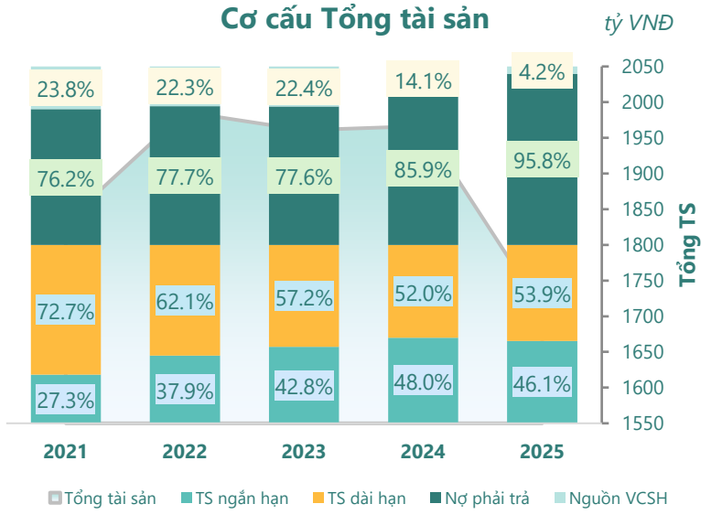
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

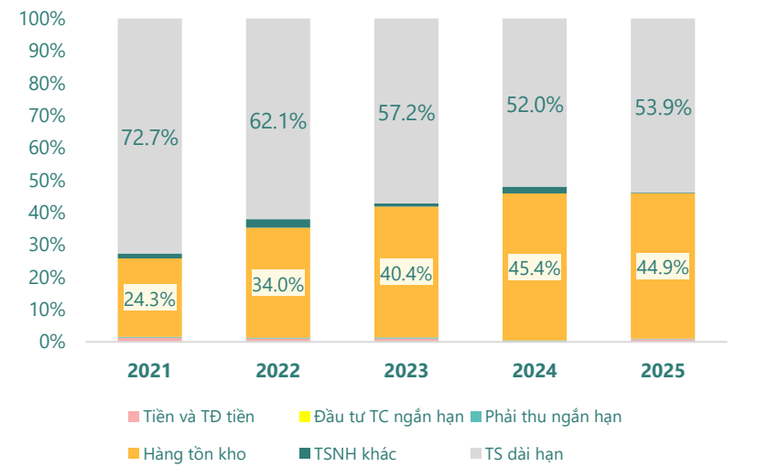
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



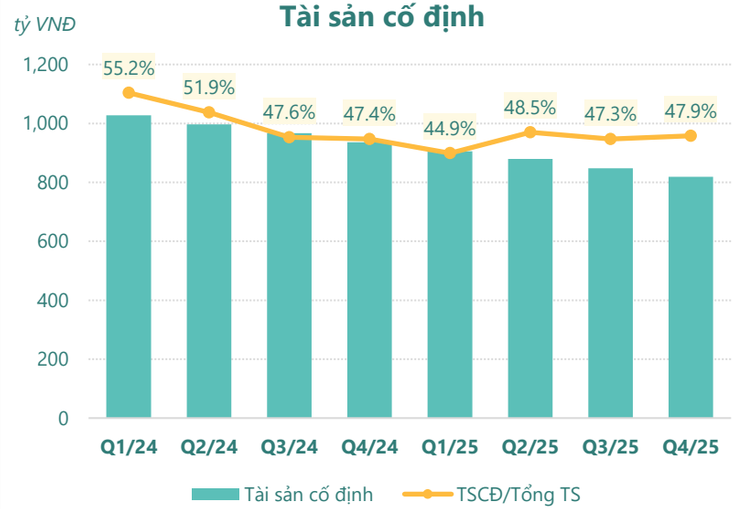
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



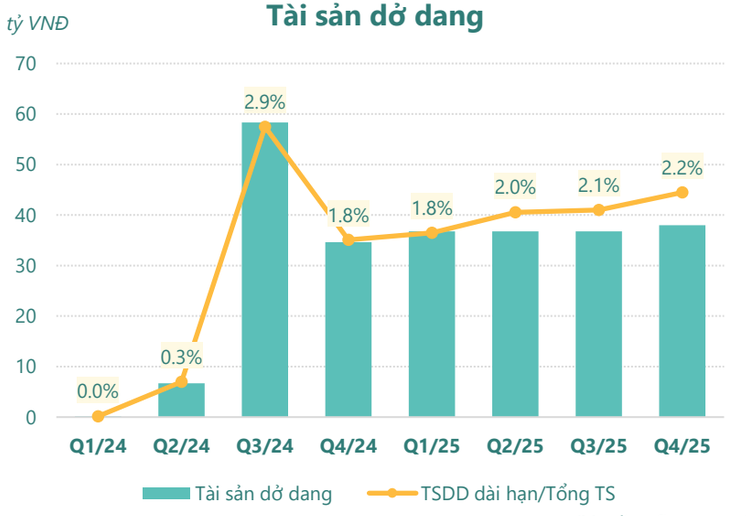
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



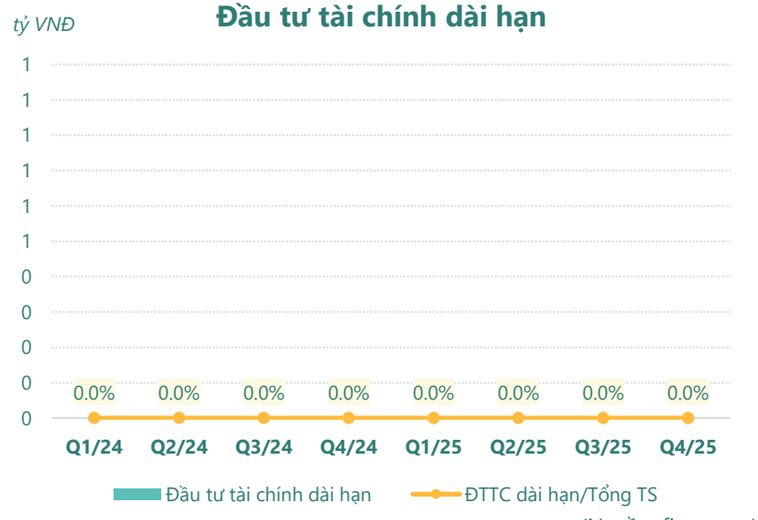
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



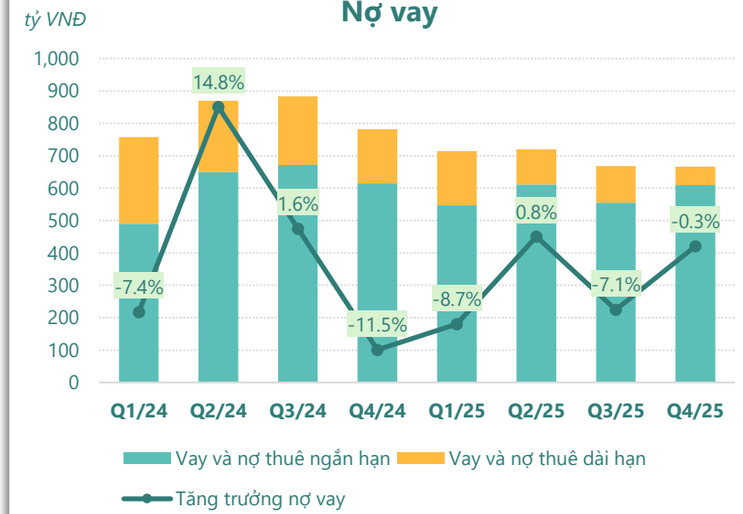
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

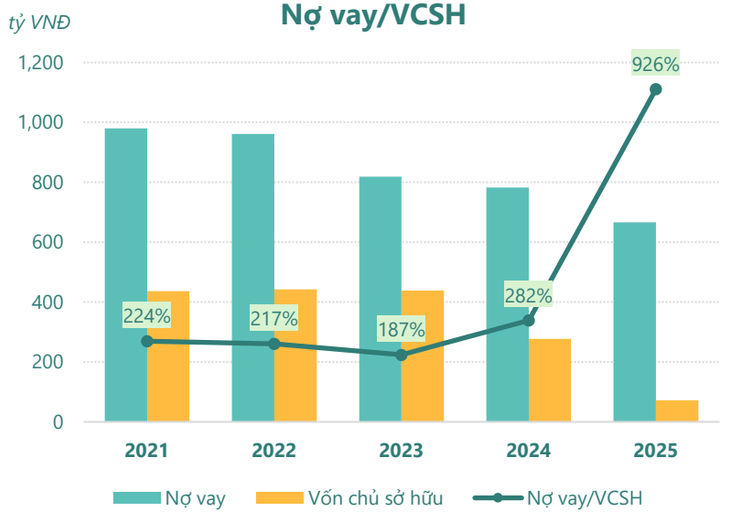
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

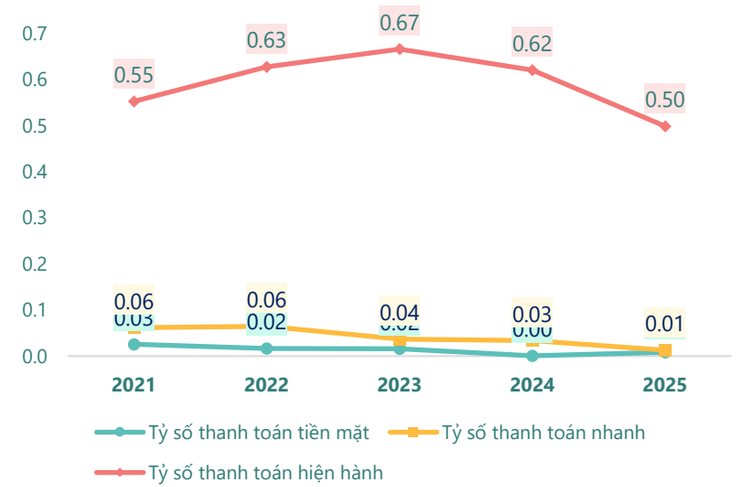
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



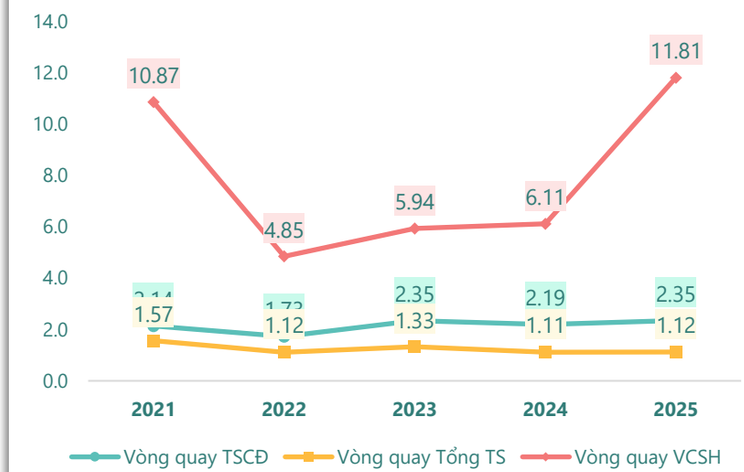
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



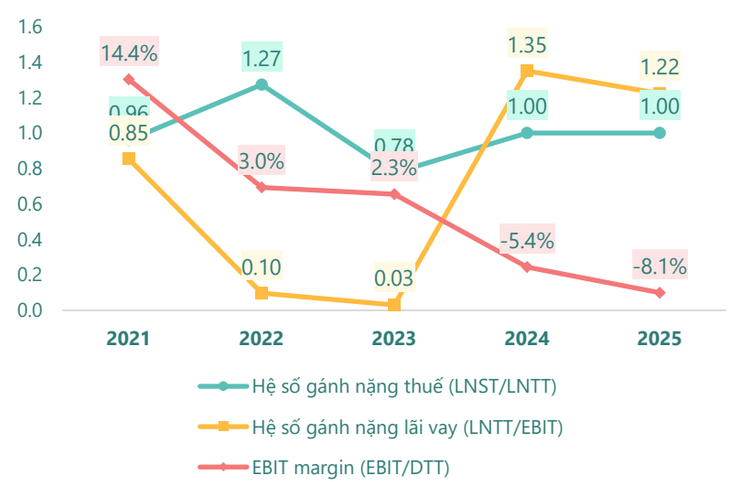
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



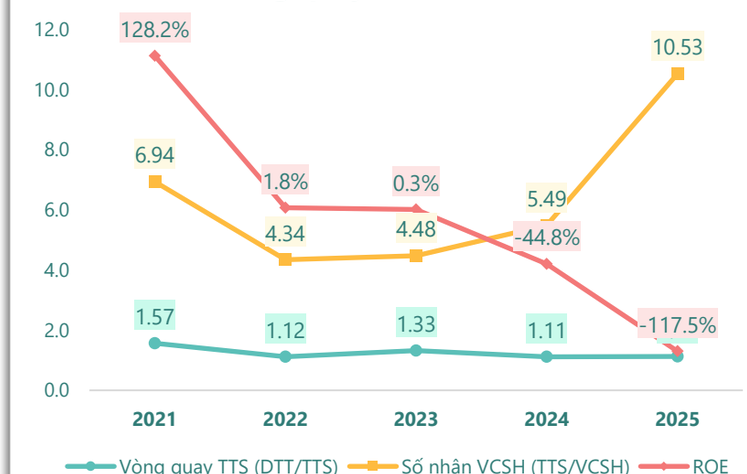
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



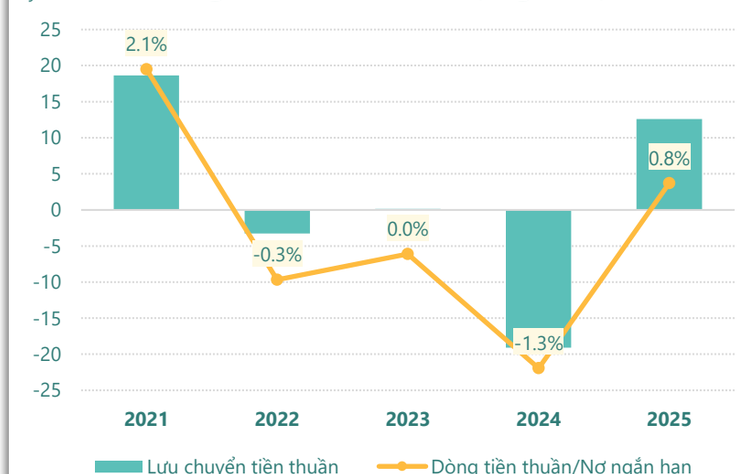
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**569**	**467**	**21.9%**	**2,062**	**2,188**	**-5.8%**
Giá vốn hàng bán	543	493	10.1%	2,124	2,200	-3.4%
Lợi nhuận gộp	26.6	-26.4	201%	-62.2	-11.4	-443%
Doanh thu HĐTC	0.37	-0.18	308%	2.11	0.03	6042%
Chi phí TC	10.9	18.7	-42.0%	50.6	59.6	-15.1%
Chi phí lãi vay	9.77	10.1	-3.3%	37.3	41.6	-10.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	18.8	14.3	31.3%	59.5	27.4	117%
Chi phí QLDN	**3.55**	**39.8**	**-91.1%**	**37.0**	**56.1**	**-34.0%**
LN thuần từ HĐKD	-6.24	-99.4	93.7%	-207	-154	-34.1%
Lợi nhuận khác	**1.13**	**0.44**	**157%**	**1.96**	**-5.86**	**134%**
LN trước thuế	-5.11	-99.0	94.8%	-205	-160	-27.9%
Lợi nhuận sau thuế	**-5.11**	**-99.0**	**94.8%**	**-205**	**-160**	**-27.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-5.11**	**-99.0**	**94.8%**	**-205**	**-160**	**-27.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	46.0	50.0	76.9	2.16	58.2	3.10
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-49.5	21.6	-2.33	-0.19	-4.49	1.61
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	21.1	-95.4	-68.0	-0.46	-51.4	-2.55
Tiền đầu kỳ	7.51	25.0	1.13	7.68	9.19	11.6
Lưu chuyển tiền thuần	**17.5**	**-23.9**	**6.54**	**1.51**	**2.37**	**2.16**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	25.0	1.13	7.68	9.19	11.6	13.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,709**	**1,966**	**-13.1%**
Tài sản ngắn hạn	788	944	-16.5%
Tiền và tương đương tiền	13.7	1.13	1112%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	4.04	7.46	-45.8%
Hàng tồn kho	768	893	-14.0%
Tài sản ngắn hạn khác	2.67	42.4	-93.7%
Tài sản dài hạn	**921**	**1,022**	**-9.9%**
Phải thu dài hạn	35.2	27.3	28.9%
Tài sản cố định	819	936	-12.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	38.0	34.7	9.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**29.0**	**24.1**	**20.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,637	1,689	-3.1%
Nợ ngắn hạn	**1,580**	**1,521**	**3.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	610	615	-0.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	899	789	13.8%
Nợ dài hạn	56.8	168	-66.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	56.8	168	-66.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**72.0**	**277**	**-74.0%**
Vốn chủ sở hữu	**72.0**	**277**	**-74.0%**
Vốn điều lệ	430	430	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)